

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TT LƯƠNG BẰNG

Số: 96/KH-THLB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lương Bằng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2024 - 2025

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;
Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;
Căn cứ Thông tư 04/2014/TT- BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;*

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học; Quyết định 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022 về việc đính chính Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học; Công văn số 1513/SGDĐT-GDTrH-GDTX ngày 8/8/2022 của Sở GD-ĐT Hưng Yên hướng dẫn thực hiện Công văn 3175/BGDĐT-GDTH ngày 21/7/2022 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học; Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt khung Chương trình giáo dục địa phương tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1209/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9, lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hưng Yên từ năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn 564/SGDĐT- GDTH ngày 09/4/2021 của Sở GDĐT về việc tập huấn sử dụng tài liệu “GD An toàn giao thông dành cho HSTH” và hướng dẫn tổ chức GD ATGT cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1380/SGDĐT-GDTH ngày 30/7/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1837/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 05/8/2024 của Sở GDĐT về triển khai giáo dục STEM cấp Tiểu học năm 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 269/PGDĐT, ngày 4 tháng 8 năm 2021 của Phòng GD-DDT Kim Động Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022 và các Phụ lục của Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Công văn số 342/PGD&ĐT ngày 06/9/2022 của Phòng GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm từ năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH-PGD&ĐT ngày 04/4/2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học từ năm học 2023-2024;

Căn cứ Công văn số 14/PGD&ĐT ngày 03/01/2024 của Phòng GD&ĐT Kim Động về việc triển khai sử dụng tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học;

Căn cứ Công văn số 388/PGD&ĐT ngày 24/8/2024 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ đối với giáo dục tiểu học năm học 2024 – 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 92a/KH-THLB ngày 11/8/2024 về Kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường;

Trường Tiểu học thị trấn Lương Bằng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 với nội dung cụ thể như sau:

II. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025.

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Lương Bằng là một thị trấn nằm ở trung tâm huyện Kim Động có diện tích khoảng 7,55km². Phía Bắc giáp xã Chính Nghĩa, phía Nam giáp xã Hiệp Cường, phía tây giáp xã Song Mai, phía Đông giáp xã Vũ Xá.

- Lương Bằng là thị trấn có truyền thống hiếu học. Tại đây có nhiều dòng họ xây dựng được phong trào khuyến học và nhiều người đỗ đạt cao, giữ các trọng trách trong Đảng, Chính phủ, có công lao lớn cho ngành giáo dục.

- Thị trấn Lương Bằng là nơi tập trung nhiều trường học nhất trong huyện Kim Động, gồm: 1 trường Trung học Phổ thông, 1 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 2 trường Trung học cơ sở, 1 trường Tiểu học, 1 trường Mầm non công lập và một số trường Mầm non tư thục.

- Trường Tiểu học thị trấn Lương Bằng trước đây có tên là Trường cấp 1 Lương Bằng được tách ra từ Trường phổ thông cơ sở Lương Bằng năm 1989. Đến năm 1992, trường chuyển ra trụ sở mới tại số 511 đường Nguyễn Bình, thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng hiện nay.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025

2.1. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số	CBQL	Giáo viên văn hoá	Giáo viên Nghệ thuật	Giáo viên Tiếng Anh	Giáo viên GDTC	Giáo viên Tin học	Thiết bị TV	Kế toán
47	03	35	03	02	01	01	01	01

- Trình độ:

+ Cán bộ quản lí: **03** trong đó: Đại học: 03, tỉ lệ 100%

+ Giáo viên: **42** trong đó: Thạc sĩ: **01**, tỉ lệ: 2,4%; Đại học: **39** tỉ lệ 92,8%;
Cao đẳng: **02**, tỉ lệ 4,8%; Trung cấp: **0**, tỉ lệ 0%

+ Nhân viên: **02** trong đó Cao đẳng: **01**, tỉ lệ 50%; Trung cấp: **01**, tỉ lệ 50%

- GV dạy giỏi cấp trường: 93%; cấp huyện: 32/42 đạt 76,2%; cấp tỉnh: 4/42 đạt 9.5%.

- Tỉ lệ giáo viên/ lớp: 1.3

Trường có đủ loại hình giáo viên; số lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu tối thiểu. Giáo viên của trường yêu nghề, mến trẻ, có uy tín trong công tác, được dân tin yêu. 100% giáo viên đã tham gia các lớp BDTX và tập huấn chương trình GDPT 2018.

2.2 Đặc điểm học sinh của trường.

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng
Số lớp	5	7	6	7	7	32
Số học sinh	138	289	234	274	286	1221
Số học sinh nữ	67	120	107	133	128	555

- Tỉ lệ học sinh/lớp: 1221 HS/32 lớp, tỉ lệ 38,2 HS/lớp.

- Học sinh của trường nhanh nhẹn, có thể chất tốt, chăm ngoan, hiếu học; nhiều học sinh đạt giải trong các cuộc thi và giao lưu các cấp. Trường có 10 học sinh khuyết tật, 01 học sinh thuộc hộ nghèo, khoảng 20 học sinh có hoàn cảnh khó khăn và 08 học

sinh thuộc dân tộc ít người.

2.3 Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Phòng học	Phòng bộ môn	Đoàn thể	Thư viện	Thiết bị	Y tế	VP	Hiệu trưởng	PHT	Truyền thông Đội	Hành chính	Bảo vệ
32	08	01	02	01	01	01	01	02	01	05	02

Trường có 57 phòng gồm 32 phòng học kiên cố cao tầng, 25 phòng chức năng, phòng hành chính quản trị và phòng hỗ trợ học tập. Phòng học có đầy đủ trang thiết bị như bàn ghế, máy chiếu, ti vi; có hệ thống Camera gồm 42 mắt. Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ thiết bị chuyên dùng; 02 phòng Tin học với 40 máy tính. Cơ sở vật chất nhà trường có sự đổi thay mạnh mẽ nhờ công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh.

Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, làm mái che sân khấu, lán xe, khu nhà ăn bán trú, lát lại nền phòng học, thiết bị dạy học, bàn ghế HS ... tổng trị giá gần 1 tỉ đồng. PHHS đã trang trí 31 phòng học thân thiện, hiện đại.

*** Điểm mạnh của nhà trường**

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1137/QĐ-SGDĐT ngày 10/5/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên; đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 2015/QĐ-CTUBND ngày 31/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên.

Các năm học gần đây, trường đều đạt Tập thể lao động tiên tiến hoặc Tập thể lao động xuất sắc; được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen. Năm học 2023 – 2024, trường đạt Bằng khen của UBND tỉnh.

Cán bộ quản lý nhà trường có nhiều năm làm công tác quản lý, có kinh nghiệm và hằng năm được đánh giá xếp loại Chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng loại Tốt. Ban giám hiệu luôn đoàn kết, thống nhất cao trong việc chỉ đạo các hoạt động của nhà trường.

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường có tinh thần trách nhiệm cao; tích cực xây dựng nội bộ đoàn kết. Có trên 70%

giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi cấp Huyện trở lên. 100% giáo viên được tập huấn về chương trình và PPDH chương trình GDPT 2018.

Trường huy động 100% trẻ em trong độ tuổi sống trên địa bàn đến trường. Học sinh của trường hầu hết sinh sống tại thị trấn nên nhanh nhẹn, hoạt bát; được gia đình quan tâm; được thầy cô rèn luyện nên chăm ngoan, lễ phép, có nề nếp học tập tốt, mạnh dạn trong các hoạt động học tập.

Năm học 2023 – 2024, đã có trên 99% học sinh hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học; 65% học sinh được khen thưởng các cấp.

Cơ ngơi khang trang do được nâng cấp và xây mới trên 70% số phòng học và phòng chức năng năm 2021. Số lượng phòng học đủ cho 1 phòng/ lớp; đủ phòng chức năng theo tiêu chuẩn Trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Các phòng học và phòng chức năng được trang bị đầy đủ trang thiết bị, được kê xếp gọn gàng, dễ sử dụng. Trường có sân chơi đảm bảo đủ diện tích 1 m²/ học sinh, có bãi tập, có lán xe, cổng trường khang trang, in biển đúng quy định, tường bao quanh trường đảm bảo tốt công tác bảo vệ tài sản nhà trường.

Những năm học gần đây, công tác XHHGD của trường đạt kết quả tốt. Riêng năm học 2023-2024, trường đã thu hút các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm tặng quà cho học sinh với tổng số tiền gần 70 triệu đồng.

*** Điểm yếu của nhà trường**

- Còn khoảng 10 % giáo viên sức bật chuyên môn hạn chế, chưa ứng dụng tốt CNTT, chưa sáng tạo khi tổ chức các hoạt động dạy học.

- Số học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học vẫn còn (0,2% số học sinh toàn trường). Trường vẫn còn học sinh tu dưỡng đạo đức chưa tốt, chưa chăm ngoan.

*** Cơ hội:**

- Trường có vị trí tiện lợi cho việc giao thông đến các vùng lân cận.

- Nhà trường luôn được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng ủy, chính quyền, ban ngành đoàn thể tại địa phương và nhất là sự quan

tâm, hỗ trợ nhiệt tình của Ban đại diện CMHS trường, lớp. Được sự chỉ đạo sâu sát và trực tiếp của Phòng GD&ĐT Kim Động.

- Nhà trường được hầu hết phụ huynh và học sinh tin tưởng, hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Đa số phụ huynh có nhận thức đúng công tác đổi mới, mục tiêu giáo dục, tin tưởng và hỗ trợ tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.

- Địa phương có truyền thống hiếu học, có nhiều người đỗ đạt cao; những năm gần đây mặt bằng kinh tế người dân địa phương nâng cao.

*** Thách thức:**

- Tỷ lệ giáo viên/ lớp của trường là 1,3 nên chưa tổ chức dạy học 9-10 buổi/tuần cho 100% số lớp.

- Số học sinh trong 1 lớp của trường trung bình là 38 học sinh, vượt quá mức quy định; số lượng học sinh khuyết tật hoặc có hoàn cảnh khó khăn còn nhiều; điều này gây khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh.

- Trình độ dân trí không đồng đều, một số phụ huynh chưa quan tâm đến giáo dục con em, đặc biệt đến chương trình GDPT mới, một bộ phận không nhỏ cả bố và mẹ học sinh đi làm ăn xa, còn coi việc dạy học là của nhà trường nên ảnh hưởng đến việc giáo dục học sinh và sự kết hợp giữa gia đình và nhà trường.

- Diện tích phòng học còn nhỏ, sân chơi phân bố ở 2 khu không đồng đều, gây khó khăn cho nhà trường khi tổ chức hoạt động NGLL và việc vui chơi của học sinh.

- Số lượng phòng học Âm nhạc, Ngoại ngữ, Tiếng Anh chưa đủ cho tất cả học sinh được học tập tại phòng bộ môn.

- TBDH chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới dạy học hiện nay.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Mục tiêu chung

1.1 Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả

phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp với thực tiễn tại nhà trường, địa phương.

1.2. Chú trọng tham mưu thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp và đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; tạo điều kiện để giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo CTGDPT cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

1.4. Đẩy mạnh thực hiện công tác chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học.

1.5. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học

2. Chỉ tiêu cụ thể:

- Duy trì, giữ vững và phát huy các tiêu chuẩn của Trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3, Phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Xây dựng trường học theo mô hình tiên tiến, hiện đại, duy trì hoạt động xây dựng trường học hạnh phúc.

- Duy trì sĩ số 100%, không có học sinh bỏ học

- 99,5% học sinh được đánh giá Hoàn thành trở lên về các môn học và hoạt động giáo dục (trong đó trên 65% học sinh Hoàn thành Tốt về môn học và HĐGD).

- 100% học sinh được đánh giá Đạt trở lên về năng lực và phẩm chất (trong đó trên 70% học sinh xếp loại Tốt về các năng lực và phẩm chất).

- Học sinh được khen thưởng: Trên 65%.

- Học sinh hoàn thành chương trình lớp học trên 99,5%, HTCTTH: 100%

- Xếp loại môn học; mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực. Cụ thể từng khối lớp như sau:

*** Xếp loại môn học**

Môn học, HĐGD	Khối 1 (138 HS)			Khối 2 (289 HS)			Khối 3 (234 HS)			Khối 4 (274 HS)			Khối 5 (286 HS)		
	T (%)	H (%)	C (%)	T (%)	H (%)	C (%)	T (%)	H (%)	C (%)	T (%)	H (%)	C (%)	T (%)	H (%)	C (%)
Tiếng Việt	70	28	2	71	29		65	35		65	35		63	37	
Toán	70	28	2	71	29		68	32		65	35		63	37	
Tiếng Anh 1							65	35		60	40		60	40	
Đạo đức	75	25		76	24		72	28		70	30		70	30	
TNXH	75	25		76	24		72	28							
LS - ĐL										65	35		65	35	
Khoa học										65	35		65	35	
Tin học							72	28		70	30		70	30	
Công nghệ							72	28		70	30		70	30	
GDTC	75	25		76	24		72	28		70	30		70	30	
Âm nhạc	75	25		76	24		72	28		70	30		70	30	
Mĩ thuật	75	25		76	24		72	28		70	30		70	30	
HĐTN	75	25		76	24		72	28		70	30		70	30	

*** Xếp loại mức độ hình thành và phát triển phẩm chất:**

	Khối 1 (138 HS)	Khối 2 (289 HS)	Khối 3 (234 HS)	Khối 4 (274 HS)	Khối 5 (286 HS)
--	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

Phẩm chất	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)
Yêu nước	90	10		85	15		85	15		80	20		70	30	
Nhân ái	85	15		85	15		85	15		85	15		70	30	
Chăm chỉ	80	20		80	20		80	20		78	22		75	25	
Trung thực	80	20		80	20		80	20		78	22		80	20	
Trách nhiệm	80	20		80	20		80	20		78	22		80	20	

** Xếp loại mức độ hình thành và phát triển năng lực:*

+ Năng lực chung

Năng lực	Khối 1 (138 HS)			Khối 2 (289 HS)			Khối 3 (234 HS)			Khối 4 (274 HS)			Khối 5 (286 HS)		
	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)	T (%)	Đ (%)	C (%)
Tự chủ và tự học	75	23	2	78	22		78	22		80	20		82	18	
Giao tiếp và hợp tác	75	23	2	78	22		78	22		80	20		82	18	
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	70	28	2	75	25		75	25		78	22		80	20	

+ **Năng lực đặc thù:**

Năng lực	Khối 1 (138 HS)			Khối 2 (289 HS)			Khối 3 (234 HS)			Khối 4 (274 HS)			Khối 5 (286 HS)		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Ngôn ngữ	70	28	2	71	29		65	35		65	35		65	35	
Tính toán	68	30	2	71	29		65	35		63	37		63	37	
Khoa học	75	25		75	25		70	30		65	35		65	35	
Công nghệ							70	30		70	30		70	30	
Tin học							70	30		70	30		70	30	
Thẩm mỹ	70	30		70	30		72	28		70	30		70	30	
Thể chất	70	30		70	30		70	30		70	30		70	30	

* **Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiêu học:**a) **HTCT lớp học:**

	Toàn trường		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TỔNG	1221		138		289		234		274		286	
HTCT lớp học	1216	99,6	133	96,4%	289	100	234	100	274	100	286	100
Chưa HTCT lớp học	5	0,4	5	0,6%								

b) **Hoàn thành chương trình tiêu học: 100%*** **Học sinh được khen thưởng:**

- Học sinh Xuất sắc: 35%.
- Học sinh Tiêu biểu: 30%.
- Khen cấp trên: 5%

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Căn cứ Thông tư 32/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về ban hành Chương trình GDPT 2018.

- Kế hoạch của nhà trường được xây dựng tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút.

Cụ thể: + Khối 1, 2, 3 tổ chức dạy 8 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Hai, thứ Ba, thứ Năm;

+ Khối 4 + 5 tổ chức dạy 9 buổi/tuần, học cả ngày vào thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư và thứ Năm.

- Các hoạt động giáo dục bao gồm:

+ Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc;

+ Môn học tự chọn khối 1, 2;

+ Tổ chức tiết đọc thư viện thân thiện: 1 tiết/2 tuần.

+ Tổ chức tiết học củng cố tăng cường TV: 1 tiết/2 tuần.

Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (đính kèm)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1 Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

+ Tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm (tổ chức 6 hoạt động giáo dục tập thể định kỳ).

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường 1 ngày vào Tuần 12 (Thứ Bảy, ngày 30/11)

Phụ lục 1.2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (đính kèm)

2.2 Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường:

- + Tổ chức cho học sinh có nhu cầu được ăn bán trú tại trường đối với các ngày học 2 buổi.
- + Giáo dục STEM 2 tiết/tuần

Phụ lục 1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (Phụ lục đính kèm)

3. Tổ chức thực hiện Kế hoạch Giáo dục đối với các điểm trường:

- Trường có 1 điểm trường lẻ nằm tại thôn Động Xá, cách điểm trường chính 1,5 km. Điểm trường có diện tích 8867 m². Đây là địa điểm mới được đưa vào sử dụng từ cuối năm học 2020 - 2021.

- Số phòng học: 5.

- Số học sinh: 184 Trong đó: Lớp 1: 25 Lớp 2: 42 Lớp 3: 31
 Lớp 4: 43 Lớp 5: 43

- Số phòng chức năng: 5 (Bảo vệ: 1 Tin học: 1 Bộ môn: 2 Thư viện: 1)

* Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên và học sinh tại điểm trường thực hiện nghiêm túc Kế hoạch giáo dục nhà trường. Cụ thể:

Chỉ đạo giáo viên thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của từng khối theo sự thống nhất của từng khối lớp; xây dựng kế hoạch bài dạy bám sát các Phụ lục quy định tại công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong tuần dựa theo Kế hoạch tổ chức hoạt động sinh hoạt dưới cờ tại điểm trường. Những hoạt động trải nghiệm mang tính chất toàn trường, nhà trường chủ động yêu cầu giáo viên và học sinh của điểm trường.

Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá học sinh, kiểm tra nội bộ giáo viên theo kế hoạch chung của nhà trường.

Phối hợp với tổ trưởng, tổ phó chuyên môn kịp thời triển khai việc thực hiện kế hoạch giáo dục một cách đồng bộ, triển khai tới giáo viên, học sinh hiệu quả.

Cập nhật tình hình triển khai kế hoạch từ tổ trưởng, tổ phó và giáo viên và kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo tình hình thực tế của điểm trường để hoàn thành kế hoạch đề ra.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

Thực hiện Quyết định số: 1691/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Hưng Yên, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 92a/KH-THLB ngày 11/8/2024 về Kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện các môn học và hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

- Ngày tựu trường:
- + Đối với lớp 1 tựu trường vào ngày 21/8/2023.
- + Đối với lớp 2, 3, 4, 5 tựu trường vào ngày 28/8/2024.
- Ngày khai giảng: Thứ Năm, ngày 05/9/2024
- Học kì I: Từ ngày 09/9/2024 đến hết ngày 17/01/2025 (18 tuần)
- Học kì II: Từ ngày 20/01/2025 đến hết ngày 27/5/2025 (17 tuần)
- Ngày kết thúc năm học: Ngày 30/5/2025
- Xét hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2025.
- Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2025 - 2026 trước 31/7/2025

*** Đối với từng khối lớp**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học của từng khối lớp. *Phụ lục 1.4. (Đính kèm)*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp. *Phụ lục 2 (Đính kèm)*

*** Thời lượng số tiết của các môn học, hoạt động giáo dục từng khối lớp và các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, họp hội đồng sư phạm, số ngày nghỉ trong năm học được thể hiện trong bảng tổng hợp dưới đây:**

TỔNG HỢP CẢ NĂM

TT	Nội dung	Số lượng tiết học					Chi chú
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	
I	MÔN HỌC VÀ CÁC HĐGD BẮT BUỘC						
1	Tiếng Việt	420	350	245	245	245	
2	Toán	105	175	175	175	175	
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)			140	140	140	
4	Đạo đức	35	35	35	35	35	
5	TNXH	70	70	70			
6	LS&ĐL				70	70	
7	Khoa học				70	70	
8	Tin học			35	35	35	
9	Công nghệ			35	35	35	
10	GD thể chất	70	70	70	70	70	
11	Âm nhạc	35	35	35	35	35	
12	Mĩ thuật	35	35	35	35	35	
13	HĐTN	105	105	105	105	105	
II	MÔN TỰ CHỌN						
1	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	70	70				
III	HĐ CỨNG CỐ, TĂNG CƯỜNG						
1	Luyện Tiếng Việt	16	16	15	15	15	
2	Đọc thư viện	16	16	15	15	15	
IV	HĐ SAU GIỜ CHÍNH KHÓA						
1	Giáo dục STEM	70	70	70	70	70	
	TỔNG SỐ TIẾT	1047	1047	1080	1150	1150	
	Trong đó: Tổng số tiết học kỳ I	539	539	557	593	593	
	Tổng số tiết học kỳ II	508	508	523	557	557	

V	CÁC NỘI DUNG KHÁC						
1	Hoạt động tập thể.	6 buổi	6 buổi	6 buổi	6 buổi	6 buổi	
2	Sinh hoạt chuyên môn theo trường	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi	
3	Sinh hoạt chuyên môn theo tổ	18 buổi	18 buổi	18 buổi	18 buổi	18 buổi	
4	Họp hội đồng sư phạm trường	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi	9 buổi	
5	Các ngày nghỉ trong năm	11 ngày	11 ngày	11 ngày	11 ngày	11 ngày	

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

Kiểm tra tu bổ, sửa chữa và mua sắm thường xuyên các thiết bị đáp ứng mọi hoạt động trong công tác dạy và học, giáo dục học sinh.

Tăng cường sự quản lý nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có cũng như bảo quản, sửa chữa bổ sung tài sản kịp thời phục vụ công tác dạy và học, tránh thất thoát, lãng phí tài sản của nhà trường.

Tiếp tục tham mưu với lãnh đạo các cấp về việc bổ sung, mua mới, tu sửa các trang thiết bị đã cũ hỏng của nhà trường.

Huy động nguồn xã hội hóa của nhân dân, phụ huynh và các nhà hảo tâm trên địa bàn để mua sắm các trang thiết bị dạy và học của nhà trường tạo cho học sinh có môi trường học tập an toàn, hiện đại.

Huy động các nguồn kinh phí để tiếp tục tu sửa bổ sung các hạng mục đã xuống cấp nhằm đảm bảo tốt công tác hệ thống an ninh, an toàn trường học. Từng bước tạo dựng một ngôi trường xanh sạch đẹp và an toàn.

Giao cho nhân viên phụ trách thiết bị dạy học kiểm kê, rà soát toàn bộ thiết bị dạy học, lập kế hoạch và đề nghị Nhà trường tu sửa, bổ sung một số thiết bị dạy học mới phục vụ công tác dạy và học.

Cung ứng kịp thời thiết bị dạy học cho các khối lớp, đáp ứng các nhu cầu giảng dạy theo định hướng PTNL của Bộ GD-ĐT.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tổ chuyên môn tăng cường giáo dục ý thức giữ gìn tài sản chung của trường, lớp bằng nhiều hình thức như: trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt tổ, các hoạt động ngoại ngoại trời...

Tổ chức chuyên đề, khuyến khích giáo viên tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học.

2. Thực hiện công tác đội ngũ (số lượng, chất lượng, trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp, ...)

Tham mưu cho cơ quan quản lý về bổ sung đội ngũ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.

Phân công chuyên môn cho giáo viên đảm bảo đúng người, đúng việc, sử dụng hiệu quả đội ngũ, đảm bảo nguyên tắc kết hợp hài hòa các lợi ích.

Phân công giáo viên phù hợp với năng lực, sở trường đảm bảo thực hiện hiệu quả việc thực hiện chương trình GDPT 2018 đặc biệt đối với khối lớp 5 là năm học đầu tiên thực hiện giảng dạy theo chương trình mới.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, nề nếp sinh hoạt chuyên môn, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT 2018.

Thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

Phân công giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực yếu hơn để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018. Điều đó tạo môi trường để GV, NG, CBQL luôn học hỏi lẫn nhau, trau dồi chuyên môn và nâng cao ý thức.

Xây dựng cộng đồng học tập trong nhà trường cùng thực hiện sách giáo khoa các khối lớp theo Chương trình GDPT 2018, lấy kinh nghiệm để triển khai các lớp tiếp theo thông qua các hoạt động như: tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục về đổi mới dạy học theo tiếp cận năng lực, về phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá năng lực người học...

Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ GV thông qua hình thức dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất... từ đó xác định được nhân sự nào cần được đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng ở lĩnh vực nào để phát huy tối đa tiềm năng của cá nhân và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của nhà trường.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1 Đối với Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch động giáo dục nhà trường và triển khai thực hiện kế hoạch, chịu trách nhiệm chung về các hoạt

động giáo dục của nhà trường.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT 2018; làm tốt công tác tham mưu về xây dựng CSVN, bổ sung trang thiết bị dạy học.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động bồi dưỡng đội ngũ.
- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường;
- Ban hành các quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.
- Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp, giảng dạy các môn học và các hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo trực tiếp các khối lớp thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, kiểm tra đánh giá. Tham gia sinh hoạt chuyên môn tổ khối kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp đặc thù của địa phương.

1.2 Đối với Phó Hiệu trưởng

- Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để đảm bảo dạy học 8 buổi/tuần đối với lớp 1, 2, 3; 9 buổi/tuần đối với lớp 4, 5. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.
- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành môn học và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục, phân công giáo viên dạy cụ thể.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học đổi mới phương pháp dạy học.
- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

1.3. Đối với tổ trưởng tổ chuyên môn

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.
- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo đúng quy định tập trung sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt, chú ý đến nội dung đổi mới phương pháp dạy học và việc lựa chọn nội dung dạy học, những vấn đề vướng mắc trong thực hiện chương trình GDPT 2018 đối với các khối lớp.
- Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

- Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công.
- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ theo kế hoạch.
- Tổ chức các hoạt động GDNGLL, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động khác.

1.4 Đối với giáo viên

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc mọi quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tích cực tự trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Sẵn sàng đề xuất những nội dung cần thiết, liên quan đến việc tổ chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

1.5 Đối với Tổng phụ trách Đội

- Kết hợp với phó hiệu trưởng và các bộ phận, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường và các yếu tố liên quan để chủ động xây dựng kế hoạch về các buổi trải nghiệm thực tế cho học sinh để tham mưu với lãnh đạo nhà trường triển khai thực hiện có hiệu quả. Kế hoạch phải đảm bảo rõ ràng về mục đích ý nghĩa, địa chỉ cụ thể các điểm đến; dự kiến kinh phí thực hiện và thành phần tham gia cùng học sinh; lộ trình và thời gian (bắt đầu- kết thúc).
- Thành lập các ban của Liên đội để thúc đẩy mọi hoạt động của nhà trường.
- Xây dựng tiêu chí thi đua của Liên đội.

1.6 Đối với nhân viên Thư viện, Thiết bị

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.
- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.
- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.
- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách.(thời điểm? Cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức?...) để đảm hiệu quả hoạt động.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra chuyên môn: Theo kế hoạch tháng.
- Kiểm tra nghiệp vụ sư phạm nhà giáo kết hợp với đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học.
- Thực hiện xuyên suốt trong cả năm học.
- Kiểm tra chuyên đề: Theo kế hoạch tháng.
- Kiểm tra các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Theo kế hoạch tháng.

3. Chế độ báo cáo

- Hàng tháng, bộ phận chuyên môn tổng kết công tác tháng và lập kế hoạch cho tháng tới;
- Sơ kết từng học kỳ;
- Tổng kết chuyên môn;
- Báo cáo theo yêu cầu của ngành.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Loan